

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 5 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chí P – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Hoàng E, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà H, ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng E trình bày:

Anh Nguyễn Văn Hoàng E và chị Lê Thị Kim L chung sống với nhau có tổ chức đám cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2013, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thông qua mai mối anh Hoàng E và chị L mới tìm hiểu nhau rồi đi đến đám cưới, sau đó mới đăng ký kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu sau khi đám cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02, 03 năm. Sau đó, cuộc sống kinh tế vợ chồng khó khăn, chị L kêu anh Hoàng E đi Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tỉnh Bình Dương làm, nhưng do anh Hoàng E còn chăn nuôi cá ở nhà nên không đồng ý đi, vì vậy, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến tháng 10 năm 2014, chị L bỏ nhà đi làm, chỉ trở về nhà 01 lần để cất hộ khẩu khỏi hộ khẩu nhà anh Hoàng E thì bỏ đi luôn cho đến nay, không về thăm con, anh Hoàng E không liên lạc được với chị L. Vợ chồng không có hàn gắn đoàn tụ.

Anh Hoàng E và chị L có 02 con chung Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 26/11/2012, Nguyễn Văn K, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống với anh Hoàng E.

Anh Nguyễn Văn Hoàng E yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Hoàng E yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Kim L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Hoàng E yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 29/4/2014 đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu chị Lê Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Kim L không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hoàng E: Cho anh Nguyễn Văn Hoàng E được ly hôn với chị Lê Thị Kim L; Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 29/4/2014 cho anh Nguyễn Văn Hoàng E được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên; Chị Lê Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do anh Hoàng E không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 của anh Hoàng E; Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Hoàng E và chị Lê Thị Kim L; Trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn K; Bản khai của cháu Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn K; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/3/2023 và Biên bản xác minh ngày 24/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hoàng E và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Kim L cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H Em vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng E và chị L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Hoàng E và chị Lê Thị Kim L đăng ký kết hôn ngày ngày 28/02/2013, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Hoàng E và chị Lê Thị Kim L là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong thời gian anh Hoàng E và chị L chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân từ năm 2014 cho đến nay; Từ lúc anh chị ly thân đến nay, anh chị không có liên lạc và hàn gắn với nhau; anh Hoàng E không còn tình cảm vợ chồng với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho chị L biết yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng E, nhưng chị L không đến Tòa án để hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa anh Hoàng E và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Hoàng E đối với chị Lê Thị Kim L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Hoàng E và chị Lê Thị Kim L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 29/4/2014. Xét thấy, cháu V và cháu K có nguyện vọng được sống với anh Hoàng E; Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có yêu cầu được quyền nuôi con. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu

V và cháu K cho anh Hoàng E được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Hoàng E không yêu cầu chị Lê Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con 02 chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng E cho rằng giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nhưng không có ý kiến của chị L, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Hoàng E phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hoàng E.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Hoàng E được ly hôn với chị Lê Thị Kim L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 29/4/2014 cho anh Nguyễn Văn Hoàng E được quyền trực tiếp nuôi con.

Chị Lê Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Kim L không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Văn Hoàng E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Lê Thị Kim L.

Chị Lê Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Nguyễn Văn Hoàng E không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Hoàng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016154 ngày 27/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Văn Hoàng E đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Kim L không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 34, quyền số I/2013, ngày 28/02/2013);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến